

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số: <u>3107</u>	
Ngày: <u>2/6/14</u>	
Nguyên: <u>TH</u>	
BÊN	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Glei đến năm 2020 phải phù hợp Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây nguyên và của tỉnh Kon Tum đến năm 2020; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành và lĩnh vực.

2. Phát huy cao độ các tiềm năng thế mạnh về tự nhiên và xã hội, huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực; tận dụng tối đa các cơ hội bên ngoài nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ một cách hợp lý. Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tăng năng suất, sản lượng, tạo sản phẩm mới.

3. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

4. Phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, hạ thấp tỷ lệ tăng dân số, giảm tình trạng trẻ em bỏ học, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

5. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái. coi trọng các giải pháp phòng tránh thiên tai để giảm thiểu thiệt hại về người và của cho nhân dân.

6. Phát triển kinh tế gắn với tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường sự đoàn kết giữa các dân tộc.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển toàn diện nông, lâm, thủy sản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2020, khoảng cách chênh lệch trong phát triển kinh tế của huyện Đăk Glei so với các huyện khác trong tỉnh Kon Tum được rút ngắn; đưa Đăk Glei trở thành huyện có trình độ phát triển ở mức trung bình của tỉnh cả về kinh tế, văn hóa - xã hội, đô thị, mạng lưới kết cấu hạ tầng kỹ thuật; đời sống nhân dân được nâng cao, tình đoàn kết dân tộc được tăng cường; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1- Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng VA bình quân đạt 11,7%/năm giai đoạn 2011-2015 và trên 13%/năm giai đoạn 2016-2020; trong đó: giai đoạn 2011-2015: nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 11,7%/năm, công nghiệp - xây dựng đạt 12,0%/năm và thương mại - dịch vụ đạt 12,8%/năm; giai đoạn 2016-2020: nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 11,9%/năm, công nghiệp - xây dựng đạt 15,2%/năm và thương mại - dịch vụ đạt khoảng 13,0%/năm.

- Cơ cấu kinh tế huyện đến năm 2015: nông, lâm và thủy sản 44-45%; công nghiệp, xây dựng là 22-23%; thương mại - dịch vụ 32-33%. Đến năm 2020 cơ cấu tương ứng là 42% - 25% - 33%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 20 triệu đồng vào năm 2015 và trên 39 triệu đồng vào năm 2020.

- Lương thực bình quân đầu người năm 2015 đạt 412kg/người, năm 2020 là 450kg/người và đến năm 2025 là 500 kg/người.

2.2- Về phát triển xã hội:

- Tốc độ tăng dân số chung bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 1,62%/năm và giai đoạn 2016-2020 khoảng 1,45%/năm. Đến năm 2015, quy mô dân số là 43.000 người và năm 2020 là 45.400 người.

- Tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4-5%/năm.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 30%, trong đó đào tạo nghề đạt 20%; đến năm 2020 đạt trên 50%, trong đó đào tạo nghề đạt trên 35%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 28% vào năm 2015 và dưới 24% vào năm 2020.

- Đến năm 2015 có 100% thôn/làng có điện lưới quốc gia, 100% số hộ được sử dụng điện.

- Đến năm 2015, có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới và đạt 4 xã vào năm 2020.

- Đến năm 2015, có 80% thôn/làng ở xã và thị trấn có nhà văn hóa hoặc hội trường thôn; trên 70% thôn/làng đạt danh hiệu khu dân cư văn hóa; 80% cơ quan, đơn vị đạt cơ quan văn hóa.

2.3- Về bảo vệ môi trường:

- Nâng độ che phủ rừng từ 71,8% năm 2010 lên 72,5% vào năm 2015 và trên 73% năm 2020.

- Cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho người dân. Phần đầu đến năm 2015 tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khoảng 95% và cơ bản giải quyết nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho cư dân nông thôn vào năm 2020.

- Đến năm 2015, thu gom và xử lý 70-80% rác thải sinh hoạt; đến năm 2020 quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế; bảo vệ nguồn nước.

2.4. Về quốc phòng an ninh

Phần đầu có trên 70% số xã vững mạnh toàn diện; 100% số xã có điểm dân quân vào năm năm 2015. Số xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh lần lượt đạt 90%, 100% vào năm 2015, 2020.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Nông lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

Trên cơ sở phát huy tốt tiềm năng đất đai, khí hậu để phát triển toàn diện nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến. Phần đầu tốc độ tăng trưởng VA bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 11,7%/năm và 11,9%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Tăng dần diện tích cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê; từng bước khôi phục vùng chè Đăk Sút; phát triển một số cây thực phẩm, dược liệu ở những nơi có điều kiện; bảo tồn và phát triển cây Sâm Ngọc Linh.

- Đẩy mạnh xây dựng vùng chăn nuôi với quy mô phù hợp; nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng tăng trọng, thông qua mô hình chăn nuôi trang trại tập trung và gia đình; tăng nhanh số lượng đàn trâu, bò; phát triển đàn dê, đàn ong mật;

- Từng bước hình thành nghề nuôi trồng thủy sản theo mô hình cá lồng, cá bè ở các hồ chứa có mặt nước lớn của các công trình thủy điện;
- Phát triển lợi thế về rừng để phát triển mạnh kinh tế rừng; đẩy mạnh trồng rừng, tăng diện tích đất có rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng tự nhiên;
- Từng bước xây dựng nông thôn mới toàn diện, phù hợp với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, bảo đảm cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng.

2. Công nghiệp - xây dựng

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng VA ngành công nghiệp - xây dựng bình quân đạt 12,0%/năm giai đoạn 2011-2015 và 15,2 %/năm giai đoạn 2016-2020.

- Từng bước hình thành và phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế về chế biến nông sản, lâm sản dưới tán rừng, vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản, thủy điện; hình thành làng nghề tiểu thủ công nghiệp.
- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình thủy điện vừa và nhỏ đã có chủ trương đầu tư.

- Phát triển hạ tầng đô thị và bố trí dân cư theo quy hoạch các cụm, điểm công nghiệp để bảo đảm các nhu cầu xã hội cho lực lượng lao động.

3. Thương mại - dịch vụ

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng VA ngành thương mại - dịch vụ bình quân đạt 12,8%/năm giai đoạn 2011-2015 và 13,0%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Tăng cường giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội với các địa phương khu vực giáp biên giới với các tỉnh của Lào.
- Đẩy mạnh hoạt động thương mại, củng cố hệ thống chợ, các cửa hàng thương mại tại các xã; phát triển dịch vụ khu vực cửa khẩu các xã Đăk Long, Đăk Blô; tổ chức tốt mạng lưới thương nghiệp vùng nông thôn, miền núi;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ du lịch và phát triển kinh doanh du lịch gắn với bảo vệ môi trường; hình thành và đưa vào khai thác du lịch sinh thái khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh và di tích lịch sử ngục Đăk Glei;

- Phát triển mạnh các dịch vụ vận tải, tài chính, ngân hàng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, các dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

4.1 Dân số, lao động và giải quyết việc làm

- Duy trì mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần.
- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp và dịch vụ.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 30%, trong đó đào tạo nghề đạt 20%; đến năm 2020 đạt trên 50%, trong đó đào tạo nghề đạt trên 35%.

4.2 Giáo dục và đào tạo

- Tăng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi các bậc học đến trường; củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trung học cơ sở; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tiếp tục thực hiện chủ trương kiên cố hóa trường lớp học và đầu tư thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa.

- Phát triển các trường phổ thông dân tộc bán trú theo quy hoạch. Phân đầu đến năm 2020, có ít nhất 3 trường THPT; trong đó 1 trường nội trú; 1 trường bán trú; 1 trường đạt chuẩn quốc gia

- Xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên; Trung tâm dạy nghề; củng cố Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn.

4.3 Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phân đầu đến năm 2015, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi (tính trên 1000 trẻ đẻ sống) giảm xuống còn 4%, tiêm chủng đầy đủ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 97%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn 28,21%; 100% số trạm y tế có bác sỹ; 70% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020; khám chữa bệnh bình quân trên 2,0 lần/người/năm.

- Đến năm 2020, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi (tính trên 1000 trẻ đẻ sống) giảm xuống dưới 3,5%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống còn dưới 24%; khám chữa bệnh bình quân trên 2,5 lần/người/năm.

- Tăng cường đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh; cơ bản hoàn thành hệ thống khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến tuyến xã theo quy hoạch ngành. Hoàn thiện hệ thống các cơ sở y tế đến năm 2020.

4.4 Văn hóa thông tin, thể dục thể thao:

- Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động văn hóa-thông tin, thể dục thể thao, tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện sự nghiệp văn hóa-thông tin, thể dục thể thao của huyện. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

- Bảo tồn, kế thừa có chọn lọc, tôn tạo những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, đặc biệt giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống tiêu biểu, kết hợp với tiếp thu văn hoá tiên bộ của thời đại, hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới.

4.5 Khoa học và công nghệ

- Áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ sinh học tập trung vào các ngành, lĩnh vực có thế mạnh như chế biến nông, lâm sản, khoáng sản,

vật liệu xây dựng và các ngành công nghiệp có tiềm năng.

- Lựa chọn ứng dụng một số công nghệ cao, kỹ thuật mới trong khám, điều trị bệnh nhất là ở bệnh viện huyện.

4.6 Xóa đói giảm nghèo và các chính sách xã hội

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; cải thiện đời sống của hộ nghèo đồng bào các dân tộc;

- Giải quyết tốt đất ở, đất sản xuất, nhà ở cho đồng bào thiểu số phù hợp với cơ chế chính sách, phong tục tập quán và bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc;

- Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, vận động xã hội hóa quỹ tình nghĩa, hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách.

5. Bảo vệ môi trường

- Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường nguồn nước, khu dân cư; quản lý và xử lý chất thải rắn các khu dân cư.

- Truyền truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về môi trường; đào tạo, tập huấn chuyên môn, quản lý về bảo vệ môi trường.

6. Phát triển kinh tế gắn với an ninh - quốc phòng

- Bám sát Chương trình số 51-Ctr/TU ngày 12/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Quy hoạch xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh, củng cố tiềm lực trong khu vực phòng thủ, góp phần tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, nhất là địa bàn vùng biên giới. Quy hoạch bố trí dân cư ra vùng biên gắn với quy hoạch sản xuất, hình thành các cụm, tuyến làng xã liên hoàn, vững mạnh.

- Đa dạng hóa nội dung phát sóng, phát thanh truyền hình với những chương trình tuyên truyền bảo vệ tổ quốc, an ninh - quốc phòng nhằm giúp nhân dân đề cao cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn xấu của các thế lực thù địch.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, ma túy và các tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

7. Hệ thống kết cấu hạ tầng

7.1. Mạng lưới giao thông

- Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hoàn thiện hệ thống giao thông theo hướng từng bước hiện đại, đồng bộ và kết nối liên hoàn đến Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, cửa khẩu chính Đăk Blô, cửa khẩu phụ Đăk Long, thông suốt với tuyến đường Ngọc Hoàng-Măng Bút-Tu Mơ Rông-Ngọc

Linh, thông suốt liên hoàn với hệ thống giao thông của quốc gia cũng như của tỉnh Kon Tum.

- Đến năm 2015, phần đầu 95% hệ thống giao thông huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các xã được nâng cấp chuẩn hoá đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

- Đến 2015, trên 60% đường thôn bản được rải cấp phối; đến năm 2020, phần đầu trên 95% đường thôn bản được rải cấp phối và bê tông xi măng.

- Về chất lượng, phần đầu các trục đường chính của huyện, đường liên xã, đường đến trung tâm các cụm xã đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

7.2. Mạng lưới cấp điện

Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới điện trên toàn huyện, đến tận các xã, thôn; đảm bảo đến năm 2015 có 100% thôn/làng có điện lưới quốc gia, 100% số hộ được sử dụng điện; đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Phần đầu đạt mục tiêu điện khí hoá nông thôn trên toàn huyện vào năm 2020.

7.3. Hệ thống thủy lợi

- Đến năm 2015, phần đầu xây dựng mới và nâng cấp các đầu mối kênh mương, kiên cố hoá đạt 90% và kiên cố hoá kênh mương 85%; đến năm 2020, phần đầu 100% các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng kiên cố.

- Phần đầu đến năm 2015, chủ động nước tưới cho 75% diện tích lúa đông xuân, 85% diện tích vụ mùa và 85% diện tích trồng màu; đến năm 2020, phần đầu đảm bảo tưới tiêu chủ động cho trên 95% diện tích lúa đông xuân, trên 100% diện tích vụ mùa và diện tích trồng màu.

7.4. Hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý thu gom chất thải rắn

- Phần đầu đến 2015 đạt 95% và đến năm 2020 đạt 100% dân số được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước thải, nước mưa chung ở thị trấn và các khu tập trung dân cư.

- Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh có diện tích phù hợp đối với thị trấn, điểm dân cư.

7.5. Thông tin – truyền thông và phát thanh – truyền hình

- Phổ cập đa dịch vụ đến các bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã, phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân.

- Tăng thời lượng phát sóng; xây dựng chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc. Phần đầu phủ sóng truyền hình trên toàn huyện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC LÃNH THỎ

1. Định hướng điều chỉnh địa giới hành chính

Phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng, xây dựng đô thị văn minh, sạch đẹp và nông thôn mới toàn diện; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng trong huyện.

Điều chỉnh địa giới hành chính xã Đăk Pét và thị trấn Đăk Glei, để thành lập thêm xã mới (phía nam thị trấn Đăk Glei); điều chỉnh địa giới hành chính xã Đăk Long thành để thành lập thêm xã mới.

2. Định hướng phát triển đô thị

- *Giai đoạn 2011-2015:*

Nâng cấp và mở rộng thị trấn Đăk Glei đạt đầy đủ các tiêu chuẩn của đô thị loại V theo quy hoạch chung được duyệt; nâng cao chất lượng các công trình và kiến tạo mỹ quan đô thị, hướng đến đô thị văn minh, hiện đại. Xây dựng thị trấn Đăk Glei trở thành trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của huyện nhằm thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển. Nghiên cứu lựa chọn kiến trúc và tổ chức không gian cho khu vực cửa ngõ thị trấn, các khu trung tâm, tuyến phố chính, không gian cây xanh, mặt nước, cũng như các điểm nhân của thị trấn.

Xây dựng và phát triển khu vực phía đông sông Pô Kô đoạn qua thị trấn Đăk Glei theo quy hoạch chi tiết.

- *Giai đoạn 2016-2020:* Định hướng quy hoạch mở rộng, nâng cấp thị trấn Đăk Glei đạt 60% mức tiêu chuẩn của đô thị loại IV theo Nghị định 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ về phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị.

- *Sau năm 2020:* Triển khai xây dựng trung tâm cụm xã Đăk Môn hiện nay phát triển đạt các tiêu chí của đô thị loại V và trở thành thị trấn. Như vậy, sau năm 2020, huyện Đăk Glei có hai thị trấn là thị trấn Đăk Glei và thị trấn Đăk Môn. Diện tích tự nhiên mỗi đô thị tương ứng khoảng 375-645 ha; dân số đô thị sau năm 2020 đạt 5.000-8.000 người.

3. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn

- Xây dựng mạng lưới điểm dân cư nông thôn; cải tạo, chỉnh trang lại các khu chức năng, các công trình hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng cho những điểm dân cư nông thôn đã tồn tại và ổn định lâu dài.

- Lựa chọn các địa điểm có môi trường sinh thái tốt, thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất, giao thương và phát triển kinh tế gia đình của người dân để lập quy hoạch và xây dựng khu tái định cư, phục vụ công tác di dân khỏi vùng nguy hiểm (sạt lở núi và thiên tai), tiếp tục tổ chức giãn dân xen ghép nội vùng cho các xã vùng sâu, vùng xa.

- Huy động mọi nguồn lực xã hội nhằm thực hiện xây dựng các điểm dân cư nông thôn, các trung tâm xã theo quy hoạch.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN (có danh mục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động các nguồn vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015 khoảng 1.251,6 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 khoảng 3.342,7 tỷ đồng.

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư nêu trên, ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA), vốn tín dụng nhà nước, huyện cần có các giải pháp huy động các nguồn vốn khác, như: huy động bằng nội lực từ nguồn quỹ đất để phát triển đô thị, thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, các nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, sức khỏe và tay nghề cho người lao động. Tăng cường thông tin đại chúng về kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại... để nâng cao trình độ, nhận thức của người dân, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho đội ngũ cán bộ các cấp. Thực hiện tốt công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ.

- Ưu tiên đào tạo lao động là đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức tốt việc dạy nghề cho thanh niên nông thôn nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi kinh tế nông thôn; giải quyết tốt việc làm cho người lao động sau đào tạo.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ và môi trường

- Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có lợi thế, có giá trị giá trị xuất khẩu cao, khả năng chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện. Hợp tác và liên kết "bốn nhà" (Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông) trong phát triển nông nghiệp;

- Tăng cường quản lý nhà nước về khoa học công nghệ trên địa bàn. Hỗ trợ, tạo môi trường tốt cho các cá nhân, tổ chức có điều kiện phát triển và ứng dụng sáng tạo khoa học công nghệ vào đời sống và sản xuất. Chủ động khảo sát nhu cầu của địa phương và đặt hàng các đề tài nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng cao, thiết thực và phù hợp với nhu cầu và điều kiện của địa phương với các tổ chức chuyên nghiệp trong lĩnh vực này nhằm có được những giải pháp mang lại hiệu quả cao.

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào khâu chế biến nông, lâm, thủy sản; xử lý ô nhiễm môi trường và nước sạch cho vùng nông thôn; đảm bảo sức cạnh tranh cho các sản phẩm được sản xuất ra trên địa bàn huyện.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 cho cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong huyện trên cơ sở các mục tiêu của quy hoạch, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để từng bước thực hiện đạt mục tiêu quy hoạch.

Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương; các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư.

2. Xây dựng chương trình hành động

Sau khi Quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trên cơ sở các mục tiêu của quy hoạch, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chương trình hành động để thực hiện Quy hoạch.

Cụ thể hóa các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Đăk Glei.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và ngắn hạn; các chương trình, dự án cụ thể để tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

2. Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đăk Glei trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch;

2. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ huyện trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; tổ chức triển khai các chương trình, dự án do sở, ngành quản lý thực hiện trên địa bàn huyện đảm bảo hiệu quả và tiến độ quy định.

Điều 5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Đắk Glei;
- Lưu VT, KTTH1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Tuy

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2011 – 2020 CỦA HUYỆN ĐẮK GLEI**

TT	Tên dự án
A	CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
I	Nông nghiệp
1	Cụm công trình thủy lợi Đăk Lon – Đăk Trui
2	Kè chống sạt lở sông Pô Kô
3	Kiên cố hoá hệ thống kênh mương, đập thủy lợi
4	Khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện về nguồn nước
5	Xây dựng hệ thống kho lạnh bảo quản, các cơ sở chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.
II	Giao thông
1	Xây dựng bến xe huyện
2	Các dự án nâng cấp huyện lộ; đường đến trung tâm xã chưa có đường ô tô
3	Cầu BTCT qua sông Pô Kô thị trấn Đăk Glei
4	Đường liên xã Đăk Long-Đăk Nhoong-Đăk Blô
5	Xây dựng các tuyến đường trong các địa danh du lịch
6	Đường nội thị các thị trấn
7	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm các xã theo hướng nhựa hóa, bê tông hoá
8	Đường giao thông nông thôn, đường vào khu sản xuất.
9	Xây dựng đường giao thông liên thôn, liên xã ở các xã vùng ATK
III	Hạ tầng đô thị và môi trường
1	Nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch thị trấn Đăk Glei
2	Quy hoạch và xây dựng các điểm dân cư 3 xã biên giới (Đăk Blô, Đăk Nhoong, Đăk Long)
3	Xây dựng các khu dân cư mới để bố trí dân cư các vùng thiên tai, địa bàn khó khăn
4	Quy hoạch và xây dựng các trung tâm xã theo Chương trình nông thôn mới
5	Quy hoạch trung tâm cụm xã Đăk Môn thành thị trấn



6	Xử lý, chôn lấp chất thải rắn đô thị và điểm dân cư nông thôn tập trung
7	Xây dựng nhà máy cấp nước thị trấn Đăk Glei, CS 3.000 m ³ /ngày đêm và hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung các thị trấn, thị tứ
8	Dự án cấp nước sạch nông thôn và các xã vùng sâu, những vùng thường xảy ra thiếu nước sinh hoạt
9	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, bệnh viện, khu vực chăn nuôi công nghiệp.
10	Xây dựng trụ sở HĐND-UBND các xã mới tách
IV	Giáo dục, Y tế
1	Xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện
2	Xây dựng Trung tâm dạy nghề huyện
3	Chương trình kiên cố hoá trường lớp học
4	Xây dựng và nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện
5	Xây dựng trung tâm Y tế dự phòng huyện
6	Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm huyện
7	Xây dựng các phòng khám đa khoa khu vực Đăk Man
8	Trung tâm Dân số và Kế hoạch hoá gia đình huyện
9	Xây mới Trạm Y tế các xã Ngọc Linh, Mường Hoong, Đăk Choong, Xốp, Đăk Pét, Đăk Kroong, Đăk Môn, Trạm Y tế Thị trấn và Trạm Y tế xã mới thành lập
V	Văn hóa – Thể thao
1	Xây dựng di tích lịch sử chiến thắng Đăk Pét
2	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Ngọc Đăk Glei
3	Xây dựng nhà truyền thống huyện Đăk Glei
4	Xây dựng thư viện huyện Đăk Glei
5	Nâng cấp nhà văn hóa huyện
6	Xây dựng công viên và điểm vui chơi, giải trí tại thị trấn Đăk Glei
7	Xây dựng quảng trường trung tâm huyện
8	Xây dựng nhà văn hóa thanh thiếu niên huyện
9	Xây dựng các nhà văn hóa tại các trung tâm cụm xã; trung tâm xã

10	Xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, làng.
11	Xây dựng và đầu tư hồ Đăk Xanh
12	Sân vận động huyện
13	Nhà tập luyện thể dục thể thao huyện
14	Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã
VI	Mạng lưới cấp điện
1	Cải tạo, xây dựng mới các lưới trung thế, hạ thế trên địa bàn huyện
B	CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ
I	Xây dựng kết cấu hạ tầng và công nghiệp
1	Cụm công nghiệp Đăk Sút xã Đăk Kroong
2	Khu du dịch sinh thái và thương mại đèo Lò Xo xã Đăk Man
3	Mặt bằng khu dân cư phía Đông sông Pô Kô thị trấn Đăk Glei
4	Các Dự án thủy điện Đăk Mi 1; Thủy điện Đăk Long 1, 2, 3; Xây dựng cụm thủy điện Đăk Ruồi 1, 2,3; Xây dựng thủy điện Đăk Mek 3; Thủy điện Đăk Brot;
5	Chợ biên giới xã Đăk Blô (Cửa khẩu phụ Đăk Blô nâng cấp thành cửa khẩu chính)
6	Chợ biên giới xã Đăk Đăk Long
II	Nông lâm nghiệp
1	Dự án trồng Sâm Ngọc Linh
2	Các dự án trồng và chăm sóc cao su



Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng giai đoạn.